TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Nam, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đặng Văn Thuy.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

+ Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1994; nơi ĐKHKTT: Phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: K, H, H, 1-13-42, W 102, Nhật Bản, có đơn xin vắng mặt tại phiên họp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N để giao, nhận tài liệu, văn bản: Ông Lê Văn L, sinh năm 1971 và bà Lê Thị M, sinh năm 1972; nơi cư trú: số nhà 52, đường L, tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

+ Chị Phạm Thị T, sinh năm 2000; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, có đơn xin vắng mặt tại phiên họp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Văn L, sinh năm 1971 và bà Lê Thị M, sinh năm 1972; Cùng trú tại: số nhà 52, đường L, tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai của anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị T, nội dung yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức N kết hôn với chị Phạm Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam vào ngày 18/5/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, quan điểm, lối sống bất đồng dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Đến tháng 01/2021 anh N đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay anh N, Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm NA, sinh ngày 23/4/2018. Hiện nay cháu NA đang ở cùng ông Lê Văn L và bà Lê Thị M (là cậu, mợ ruột) tại tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Khi ly hôn, anh N, Chị T thống nhất giao cháu NA cho anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu NA cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh N.

Do anh N đang lao động tại Nhật Bản nên anh chị thống nhất tiếp tục ủy quyền cho ông Lê Văn L và bà Lê Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu NA cho đến khi anh trở về Việt Nam.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị T đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị T thỏa thuận anh N là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm, nộp thay cho cả Chị T.

Tại phiên họp:

- Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chị và anh Nguyễn Đức N. Giao cháu Nguyễn Phạm NA cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; tiếp tục ủy quyền cho ông Luận, bà Mai nuôi dưỡng cháu NA trong thời gian anh N đi lao động tại Nhật Bản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn L và bà Lê Thị M nhất trí nhận ủy quyền của anh N, Chị T về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục cháu NA trong thời gian anh N đi lao động tại Nhật Bản cho đến khi anh N trở về Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Căn cứ Điều 29, 39, 361, 396 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đề nghị:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm NA cho anh Nguyễn Đức N trực tiếp nuôi dưỡng, Chị T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Lê Văn L và bà Lê Thị M tiếp tục chăm sóc cháu NA theo sự ủy quyền của anh N cho đến khi anh N về nước.

- Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh N phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị T có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung; anh Nguyễn Đức N hiện đang lao động tại Nhật Bản. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b, khoản 1 Điều 37; Điều 361; Điều 362 và Điều 365 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18/5/2018 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu anh N, Chị T chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống. Anh N và Chị T xác định không còn tình cảm với nhau, từ tháng 01/2021 anh N đi lao động tại Nhật Bản nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay và cùng đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình cảm giữa anh N và Chị T không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh N và Chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm NA, sinh ngày 23/4/2018. Khi ly hôn, anh N, Chị T thống nhất giao cháu NA cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được; Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh N, Chị T thống nhất tạm giao cháu Nguyễn

Phạm NA cho ông Lê Văn L và bà Lê Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh N về nước. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp các quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Anh Nguyễn Đức N và chi Phạm Thị T không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị T mỗi người phải nộp 150.000 đồng. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh N và Chị T, anh N nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm, Chị T không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 37; Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 365; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm NA, sinh ngày 23/4/2018 cho anh Nguyễn Đức N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Tạm giao cháu Nguyễn Phạm NA cho ông Lê Văn L và bà Lê Thị M (là cậu, mợ ruột của anh N) nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi anh N về nước.

Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức N và chị Phạm Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Nguyễn Đức N nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001545, ngày 15/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, anh Nguyễn Đức N đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật

Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Đặng Văn Thuy